

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

Địa chỉ: 92 Đường 2/9 - Q.Hải Châu - TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3522666

Fax: 0511.3258999

Báo cáo tài chính (Báo cáo riêng)**QUÝ II - NĂM 2011**

kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu số Q-01d

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - QUÝ 2/2011

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34,084,893,484	28,402,214,665
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	546,380,595	8,724,869,168
1. Tiền	111		546,380,595	924,869,168
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	7,800,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	20,872,690,633	11,503,107,798
1. Đầu tư ngắn hạn	121		20,872,690,633	11,503,107,798
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	9,742,243,071	5,721,676,355
1. Phải thu khách hàng	131		2,775,601,580	1,877,868,056
2. Trả trước cho người bán	132		50,000,000	320,000,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135		6,916,641,491	3,523,808,299
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	913,865,078	770,253,233
1. Hàng tồn kho	141		913,865,078	770,253,233
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,009,714,107	1,682,308,111
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	938,345,614	1,003,660,132
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.6	469,881,652	226,890,905
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.6		0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	601,486,841	451,757,074
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		172,552,067,249	171,417,540,039
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	5.8	0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218			0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		109,030,469,265	111,623,827,782
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	90,711,923,265	86,402,995,416
- Nguyên giá	222		125,012,116,991	116,262,333,620
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34,300,193,726)	(29,859,338,204)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	18,318,546,000	18,318,546,000
- Nguyên giá	228		18,318,546,000	18,318,546,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.12		6,902,286,366
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	58,933,199,227	58,903,199,227
1. Đầu tư vào công ty con	251		59,543,172,729	59,513,172,729
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		0	0
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(609,973,502)	(609,973,502)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4,588,398,757	890,513,030
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.14	976,398,757	890,513,030
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.15	3,612,000,000	0
VI. Lợi thế thương mại	269		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		206,636,960,733	199,819,754,704

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		116,508,296,027	116,680,660,541
I. Nợ ngắn hạn	310		67,904,049,878	72,398,366,196
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.16	38,716,533,460	54,912,470,168
2. Phải trả người bán	312	5.17	3,151,681,408	8,568,232,906
3. Người mua trả tiền trước	313	5.17	85,594,000	4,410,000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.18	1,129,808,440	393,783,813
5. Phải trả người lao động	315		2,500,540,664	1,676,444,875
6. Chi phí phải trả	316	5.19	2,451,287,863	2,751,105,508
7. Phải trả nội bộ	317			0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.20	19,717,574,043	3,943,138,926
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	5.21		0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		151,030,000	148,780,000
II. Nợ dài hạn	330		48,604,246,149	44,282,294,345
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		5,941,466,554	6,135,727,721
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.22	42,658,529,595	38,146,566,624
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		4,250,000	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.23	90,128,664,706	83,139,094,163
I. Vốn chủ sở hữu	410		90,128,664,706	83,139,094,163
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70,171,300,000	70,171,300,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10,811,100,000	10,811,100,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		0	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		166,650,000	166,650,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8,979,614,706	1,990,044,163
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		206,636,960,733	199,819,754,704
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			0	0
1. Tài sản thuê ngoài	01		21,479,714,510	21,479,714,510
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		0	0
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		0	14,630,000
5. Ngoại tệ các loại	05		0	0
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		0	0

Kế toán trưởng

TP.Đà Nẵng, ngày 25 tháng 07 năm 2011

Tổng Giám đốc

Đoàn Triệu Chu Luân

Võ Thành Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ
Địa chỉ: 92 Đường 2/9 - Q.Hải Châu - TP Đà Nẵng
Tel: 0511.3522666 Fax: 0511.3258999

Báo cáo tài chính (Báo cáo riêng)
QUÝ II - NĂM 2011
kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011
Mẫu số Q-02d

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ 2/2011

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	31,145,712,684	29,553,453,193	57,940,928,401	55,594,748,757
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		14,591,235	10,821,115	26,588,875	15,540,825
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.1	31,131,121,449	29,542,632,078	57,914,339,526	55,579,207,932
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	21,926,806,228	22,025,946,981	42,195,288,407	40,973,328,733
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		9,204,315,221	7,516,685,097	15,719,051,119	14,605,879,199
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	8,495,133,241	2,243,581,104	10,238,146,672	2,770,861,712
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3,954,559,671	3,467,034,511	7,773,434,228	6,532,298,962
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,927,659,671	3,458,945,511	7,681,534,228	6,468,756,889
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	2,330,048,071	2,893,712,222	4,811,374,490	4,098,635,626
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	3,186,214,317	2,929,971,978	5,920,416,588	5,662,344,188
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) - (24+25)}	30		8,228,626,403	469,547,490	7,451,972,485	1,083,462,135
11. Thu nhập khác	31	6.7	2,984,681,854	319,725,756	3,059,607,219	362,181,330
12. Chi phí khác	32	6.8	2,733,690,015	186,647,588	2,735,218,824	201,143,191
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		250,991,839	133,078,168	324,388,395	161,038,139
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		0	0	0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8,479,618,242	602,625,658	7,776,360,880	1,244,500,274
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		296,790,337	150,656,415	296,790,337	313,160,234
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8,182,827,905	451,969,243	7,479,570,543	931,340,040
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70					

Kế toán trưởng

TP.Đà Nẵng, ngày 25 tháng 07 năm 2011
Tổng Giám đốc

Đoàn Triệu Chu Luân

Võ Thành Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

Địa chỉ: 92 Đường 2/9 - Q.Hải Châu - TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3522666

Fax: 0511.3258999

Báo cáo tài chính (Báo cáo riêng)**QUÝ II - NĂM 2011**

kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu số

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ- PPGT - QUÝ 2/2011

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7,776,360,880	1,244,500,274
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		6,166,108,896	6,951,714,868
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		0	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10,562,535,067)	(2,931,899,851)
- Chi phí lãi vay	06		7,773,434,228	6,535,448,809
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11,153,368,937	11,799,764,100
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5,546,362,994)	2,495,566,898
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(143,611,845)	(403,785,935)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		13,937,116,452	(4,365,878,637)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(20,571,209)	(228,114,632)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(7,773,434,228)	(4,864,153,814)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		0	(1,052,065,398)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		123,243,583	70,799,920
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1,708,668)	(3,746,227)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11,728,040,028	3,448,386,275
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6,249,111,935)	(50,086,575)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2,936,363,636	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9,548,950,169)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		179,367,334	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7,830,000,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7,800,000,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7,685,030,079	1,052,679,894
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5,027,301,055)	1,002,593,319
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		33,183,637,876	19,034,186,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(48,062,865,422)	(23,321,031,100)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(34,482,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14,879,227,546)	(4,321,327,100)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(8,178,488,573)	129,652,494
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8,724,869,168	1,922,278,650
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		546,380,595	2,051,931,144

TP.Đà Nẵng, ngày 25 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đoàn Triệu Chu Luân

Võ Thành Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ, tên giao dịch quốc tế Mailinh Corporation in Northern Central, viết tắt là MLC – INC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203000009 ngày 30 tháng 10 năm 2000 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi lần thứ 10 là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400382219 ngày 04 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 của Công ty là 70.171.300.000 đồng được chia thành 7.017.130 cổ phần.

Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 30/06/2011 bao gồm:

TT	Cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ/ vốn góp
1	Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh	33.533.330.000	3.353.333	47,79 %
2	Hồ Huy	8.880.000.000	888.000	12,65 %
3	Các Cổ đông khác	27.757.970.000	2.775.797	39,56 %
	Cộng	70.171.300.000	7.017.130	100 %

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 92 đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính Công ty có chi nhánh trực thuộc sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ (TP. Đà Nẵng)	197 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Dịch vụ vận tải.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Vận tải khách theo hợp đồng và vận tải khách theo tuyến cố định bằng xe chất lượng cao Express;
- Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ quảng cáo;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Đại lý vé máy bay trong nước và quốc tế, sửa chữa đóng mới phương tiện vận tải thủy, bộ;
- Đại lý vé tàu hỏa, tàu cánh ngầm, taxi nước;
- Đại lý bán ô tô, phụ tùng ô tô và các phương tiện vận tải khác;
- Dạy nghề ngắn hạn;
- Tư vấn quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế;
- Dịch vụ cho thuê xe ô tô.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ. Trong năm 2010, Công ty thành lập thêm chi nhánh trực thuộc mới gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ (TP. Đà Nẵng): theo Quyết định số 07/2010/QĐ-BTB ngày 10/05/2010.

Theo Quyết định số 694/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 29 tháng 9 năm 2010 về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ với mã chứng khoán là MNC, số lượng chứng khoán niêm yết 7.017.130 cổ phiếu tương ứng giá trị 70.171.300.000 đồng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, thời gian ước tính như sau:

- | | | |
|----------------------------|--------|-----|
| - Nhà, vật kiến trúc | 5 – 20 | năm |
| - Phương tiện vận tải | 7 – 10 | năm |
| - Thiết bị dụng cụ quản lý | 2 – 8 | năm |

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí khác phát sinh có liên quan đến kết quả kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này và được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Thuê tài sản

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

16. Phân phối lợi nhuận

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

Trả cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trích Quỹ dự phòng tài chính hàng năm không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và chỉ trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ công ty.

Trích Quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi: mức trích lập do Hội đồng Quản trị đề nghị mức trích cụ thể cho từng quỹ và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.

Lợi nhuận còn lại sau phân phối cổ tức và trích lập các quỹ được bổ sung toàn bộ vào lợi nhuận tích lũy.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	433.908.175	360.725.690
Tiền gửi ngân hàng	112.472.420	564.143.478
Các khoản tương đương tiền	-	7.800.000.000
Tổng cộng	546.380.595	8.724.869.168

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản đầu tư ngắn hạn	20.872.690.633	11.503.107.798
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	20.872.690.633	11.503.107.798

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn đến ngày 30/06/2011 là các hợp đồng vay có thời hạn 12 tháng với lãi suất 18%/năm, được chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
CTY TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	3.100.867.520	-
CTY TNHH MTV Mai Linh Tam kỳ	1.850.474.311	-
CTY TNHH MTV Mai Linh Huế	3.042.590.632	-
CTY TNHH MTV Mai Linh Quảng trị	1.254.562.177	-
CTY TNHH Mai Linh Quảng Bình	121.088.195	-
CTY Cổ Phần Tập Đoàn Mai Linh	11.503.107.798	11.503.107.798
Giá trị thuần có thể thực hiện	20.872.690.633	11.503.107.798

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	2.775.601.580	1.877.868.056
Trả trước cho người bán	50.000.000	320.000.000
Các khoản phải thu khác	6.916.641.491	3.523.808.299
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	9.742.243.071	5.721.676.355

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	913.865.078	770.253.233
Cộng giá gốc hàng tồn kho		770.253.233
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	913.865.078	770.253.233

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí mua bảo hiểm chờ phân bổ	922.995.388	985.917.587
Chi phí CCDC chờ phân bổ	6.922.590	3.199.818
Chi phí thuê văn phòng, bến bãi	-	14.542.727
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.427.636	-
Tổng cộng	938.345.614	1.003.660.132

6. Các khoản thuế phải thu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	469.881.652	226.890.905
Tổng cộng	469.881.652	226.890.905

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	596.486.841	341.757.074
Thế chấp ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	110.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	-
Tổng cộng	601.486.841	451.757.074

8. Các khoản phải thu dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu dài hạn khác	-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện, vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư 01/01/11	<u>3.119.816.978</u>	<u>112.655.392.754</u>	<u>487.123.888</u>	<u>116.262.333.620</u>
Tăng do sáp nhập	-	-	-	-
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	-	13.101.946.901	106.600.000	13.208.546.901
Giảm trong kỳ	-	4.458.763.530	-	4.458.763.530
Số dư 30/06/11	<u>3.119.816.978</u>	<u>121.298.576.125</u>	<u>593.723.888</u>	<u>125.012.116.991</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư 01/01/11	<u>610.124.046</u>	<u>28.871.139.046</u>	<u>378.075.112</u>	<u>29.859.338.204</u>
Tăng do sáp nhập	-	-	-	-
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	138.822.000	5.981.093.296	46.193.600	6.166.108.896
Giảm trong kỳ	-	1.725.253.374	-	-
Số dư 30/06/11	<u>748.946.046</u>	<u>33.126.978.968</u>	<u>424.268.712</u>	<u>34.300.193.726</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2011	2.509.692.932	83.784.253.708	109.048.776	86.402.995.416
Tại ngày 30/06/2011	<u>2.370.870.932</u>	<u>88.171.597.157</u>	<u>169.455.176</u>	<u>90.711.923.265</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đến 30/06/2011 tài sản cố định thuê tài chính của Công ty đã được chuyển thành tài sản của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm quản lý	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hoá	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư 01/01/11	-	18.318.546.000	-	-	18.318.546.000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư 30/06/11		18.318.546.000			18.318.546.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư 01/01/11	-	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư 30/06/11	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2011	-	18.318.546.000	-	-	18.318.546.000
Tại ngày 30/06/2011	-	18.318.546.000	-	-	18.318.546.000

Tài sản cố định vô hình đến 30/06/2011 bao gồm quyền sử dụng đất của 02 lô đất sau:

* Khu đất A3.3 thuộc Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ - Xã Hòa Châu - Huyện Hòa Vang - thành phố Đà Nẵng với diện tích 12.594.80 m² với số tiền 17.382.546.000 đồng. Tài sản này đã được đem đi thế chấp tại Ngân Hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng.

* Khu đất Văn phòng Công ty tại Đường 2/9 - TP. Đà Nẵng với số tiền: 936.000.000 đồng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư 05 xe Toyota Vios E cho VP	-	2.428.232.725
Đầu tư 03 xe Toyota Innova G cho VP	-	1.941.414.546
Đầu tư 05 xe Toyota Vios E cho CN TP.HCM	-	2.532.639.095
Tổng cộng	-	6.902.286.366

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	59.543.172.729	59.513.172.729
Đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(609.973.502)	(609.973.502)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	58.933.199.227	58.903.199.227

Các khoản đầu tư vào công ty con đến ngày 30/06/2011 như sau:

	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 30/06/2011	Tỷ lệ vốn góp thực tế
CTY TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	13.620.000.000	100%
CTY TNHH MTV Mai Linh Tam kỳ	2.700.000.000	100%
CTY TNHH MTV Mai Linh Hội An	11.000.000.000	100%
CTY TNHH MTV Mai Linh Huế	13.500.000.000	100%
CTY TNHH MTV Mai Linh Quảng trị	2.700.000.000	100%
CTY TNHH Mai Linh Quảng Bình	12.600.000.000	75%
CTY TNHH MTV Đầu Tư Mai Linh Lao Bảo	3.223.172.729	100%
CTY TNHH Cà Phê Arabica Mai Linh Cộng	200.000.000	100%
	59.543.172.729	

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm ô tô chờ phân bổ	-	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	894.038.609	685.085.868
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	-	99.418.252
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	82.360.148	106.008.910
Tổng cộng	976.398.757	890.513.030

15. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.612.000.000	-
Tổng cộng	3.612.000.000	-

Đến 30/06/2011, tài sản dài hạn khác của Công ty là khoản ký quỹ tiền thuê 15 xe Toyota Innova J theo Hợp đồng thuê xe số: 001/2011/HĐKT – ngày 01/06/2011 & số 002/2011/HĐKT – ngày 01/06/2011 với Công Ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

16. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	15.458.557.876	18.500.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân khác	5.208.050.000	4.708.050.000
Vay ngắn hạn Công ty thành viên	2.591.916.838	-
Nợ dài hạn đến hạn trả ngân hàng	8.377.951.208	19.053.548.416
Nợ dài hạn cá nhân đến hạn trả	5.620.000.000	9.654.550.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-
Nợ tiết kiệm CNV đến hạn trả	1.178.219.000	2.417.868.000
Nợ dài hạn đến hạn trả khác	281.838.538	578.453.752
Tổng cộng	38.716.533.460	54.912.470.168

* Vay ngắn hạn ngân hàng **15.458.557.876** là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Đà Nẵng & Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – CN Đà Nẵng với lãi suất 20%/năm đến 21%/năm để dùng làm vốn lưu động.

* Vay ngắn hạn cá nhân là các khoản vay có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 1.5%/tháng đến 1,6%/tháng.

* Nợ tiết kiệm CNV là những khoản mà cán bộ CNV vay tiêu dùng qua ngân hàng mà Công ty vay lại với lãi suất từ 17.5%/năm đến 22%/năm.

17. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	3.151.681.408	8.568.232.906
Người mua trả tiền trước	85.594.000	4.410.000
Tổng cộng	3.237.275.408	8.572.642.906

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế TNDN	113.201.955	45.819.405
Thuế GTGT	831.122.207	85.062.428
Thuế TNCN	92.278.534	207.011.980
Các loại thuế khác	93.205.744	55.890.000
Tổng cộng	1.129.808.440	393.783.813

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả cho CBNV	172.827.964	-
Phần chênh lệch khấu hao tài sản cố định của các hợp đồng đầu tư xe	587.550.808	404.249.404
Các khoản phải trả cho người lao động	-	2.011.085.100
Chi phí phải trả khác	1.690.909.091	335.771.004
Tổng cộng	2.451.287.863	2.751.105.508

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	609.760.055	263.305.827
Kinh phí công đoàn	87.012.094	46.148.605
Đầu tư xe thương quyền	15.647.500.000	2.150.000.000
Quỹ hỗ trợ tai nạn, rửa xe, tiếp thị, kỷ luật	189.200.506	326.474.132
Cổ tức phải trả cho cổ đông	777.038.500	895.527.000
Thu nhập thu hộ nhà đầu tư xe thương quyền	867.952.714	-
Các khoản phải trả công ty thành viên	1.191.781.049	-
Doanh thu chưa thực hiện	4.250.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	343.079.125	261.683.362
Tổng cộng	19.717.574.043	3.943.138.926

21. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ của NV lái xe và nhận ký cược mở thẻ MCC của khách hàng.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ lái xe	5.629.466.554	5.871.727.721
Nhận ký quỹ mở thẻ MCC	312.000.000	264.000.000
Tổng cộng	5.941.466.554	6.135.727.721

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

22. Các khoản vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngân hàng	27.941.225.036	25.362.525.036
Vay các đối tượng khác	3.757.434.544	1.894.097.573
Thuê tài chính	-	-
Vay dài hạn CBCNV	7.174.149.000	7.104.223.000
Vay các Công ty trong Tập đoàn	3.785.721.015	3.785.721.015
Tổng cộng	42.658.529.595	38.146.566.624

* Các khoản vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 36 đến 60 với lãi suất từ 20%/năm đến 21%/năm

* Các khoản vay dài hạn cá nhân, tổ chức khác là các khoản vay có thời hạn từ 13 đến 60 tháng với lãi suất từ 1,63%/tháng đến 1,75%/tháng.

Vay các công ty trong tập đoàn được chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	3.785.721.015	3.785.721.015
Công Ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	-	-
Công Ty TNHH MTV Mai Linh Huế	-	-
Tổng cộng	3.785.721.015	3.785.721.015

23. Vốn chủ sở hữu

23.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Số dư 01/01/2011	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư 30/06/2011
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	70.171.300.000	-	-	70.171.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	10.811.100.000	-	-	10.811.100.000
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-
Quỹ ĐT phát triển	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	166.650.000	-	-	166.650.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	1.990.044.163	8.182.827.905	1.193.257.362	8.979.614.706
Tổng cộng	83.139.094.163	8.182.827.905	1.193.257.362	90.128.664.706

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

*** Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng trong kỳ bao gồm khoản điều chuyển lợi nhuận năm 2010 từ các công ty con là: 6.589.199.532**

23.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400382219 thay đổi lần thứ 10 ngày 04/08/2010, vốn điều lệ của Công ty là 70.171.300.000 đồng và các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	70.171.300.000	70.171.300.000
Tổng cộng	70.171.300.000	70.171.300.000

23.3. Lợi nhuận chưa phân phối

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	1.990.044.163	989.246.844
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	8.182.827.905	4.828.362.319
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	490.000.000	-
Chi trả cổ tức	-	3.827.565.000
Chi khác (chuyển lỗ)	703.257.362	-
Tổng cộng	8.979.614.706	1.990.044.163

23.4 Cổ phần

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	7.017.130	7.017.130
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	7.017.130	7.017.130
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	7.017.130	7.017.130
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phần		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

23.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.979.614.706	1.990.044.163
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	7.017.130	7.017.130
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	1.280	284

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ taxi	27.744.098.158	27.399.654.105
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê xe	1.613.409.092	1.432.727.274
Doanh thu dịch vụ hành khách đường bộ	690.085.755	270.139.595
Doanh thu nhượng bán vật tư	6.487.700	75.909.815
Doanh thu dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	218.363.000	294.390.581
Doanh thu quản lý xe thương quyền	693.456.247	-
Doanh thu dịch vụ đào tạo	500.000	40.500.000
Doanh thu dịch vụ khác	179.312.732	40.131.823
Chiết khấu thương mại	(14.591.235)	(10.821.115)
Doanh thu thuần	31.131.121.449	29.542.632.078

2. Giá vốn hàng bán

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ taxi	20.159.903.438	20.390.483.492
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê xe	898.128.546	1.208.394.068
Giá vốn dịch vụ hành khách đường bộ	567.499.794	190.985.317
Giá vốn nhượng bán vật tư	52.630.553	54.853.288
Giá vốn dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	248.643.897	181.230.816
Giá vốn dịch vụ khác	-	-
Tổng cộng	21.926.806.228	22.025.946.981

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Hoàn nhập khoản dự phòng đầu tư vào công ty con	-	-
Doanh thu cho thuê thương hiệu Mai Linh	1.036.363.637	1.718.181.818
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	830.733.410	525.399.286
Lợi nhuận được chia từ công ty con	6.589.199.532	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	38.836.662	-
Tổng cộng	8.495.133.241	2.243.581.104

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Dự phòng đầu tư vào công ty con	-	-
Chi phí lãi vay	3.927.659.671	3.458.945.511
Chi phí tài chính khác	26.900.000	8.089.000
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	-	-
Tổng cộng	3.954.559.671	3.467.034.511

5. Chi phí bán hàng

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	-	-
Chi phí quảng cáo, tiếp thị, hoa hồng	216.942.927	114.602.363
Phí thuê thương hiệu	1.690.909.091	2.590.909.091
Lệ phí chuyển tiền	-	-
Chi phí bán hàng khác	422.196.053	188.200.768
Tổng cộng	2.330.048.071	2.893.712.222

6. Chi phí quản lý

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Chi phí nhân viên	2.221.351.973	1.866.743.402
Chi phí vật liệu	-	-
Bảo hiểm xã hội	148.958.200	122.122.632
Kinh phí công đoàn	75.142.920	58.802.447

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí đồ dùng văn phòng	103.679.712	130.506.928
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.451.600	76.504.868
Thuế, phí và lệ phí	2.449.000	5.660.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	212.747.840	252.225.775
Chi phí bằng tiền khác	330.383.072	417.405.926
Tổng cộng	3.186.164.317	2.929.971.978

7. Thu nhập khác

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	2.936.363.636	214.545.455
Các khoản thu nhập khác	48.318.218	105.180.301
Tổng cộng	2.984.681.854	319.725.756

8. Chi phí khác

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tài sản thuê tài chính	2.733.510.156	179.554.551
Thuế bị truy thu, phạt chậm nộp	179.859	913.227
Các khoản chi phí khác	-	6.179.810
Tổng cộng	2.733.690.015	186.647.588

9. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	296.790.337	150.656.415
Tổng cộng	296.790.337	150.656.415

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Chi phí nhân công	11.293.161.410	11.093.376.033
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.334.195.863	6.840.989.781
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.011.268.012	3.557.623.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.702.350.917	1.661.917.684

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí khác bằng tiền	4.102.092.414	4.695.723.815
Chi phí lợi thế thương mại	-	-
Tổng cộng	27.443.068.616	27.849.631.181

VII. Những thông tin khác

1. Các tài sản nợ tiềm tàng, các cam kết và những thông tin tài chính khác.

Không có bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

2. Thông tin về các bên có liên quan

Đến ngày 30/06/2011 thông tin các bên liên quan chưa được các bên liên quan xác nhận số liệu.

3. Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị & Ban Kiểm soát.

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	293.749.500	321.768.000
Thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát	47.500.000	54.900.000
Tổng cộng	341.249.500	376.668.000

- Căn cứ theo “Nghị quyết Đại Hội Cổ Đông” thường niên ngày 16/05/2011:

** Mức khoán đối với Hội đồng quản trị: 120.000.000 VND/5 người/năm*

Nếu công ty có lãi, đạt hoặc vượt kế hoạch thì ngoài mức khoán, thưởng thêm thù lao cho HĐQT & Ban điều hành công ty. Tổng cộng mức khoán & thù lao không vượt quá 2% lợi nhuận sau thuế.

** Mức khoán đối với Ban Kiểm soát: 70.000.000 VND/3 người/năm*

VIII. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê xe, thương hiệu và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn từ 5 đến 10 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	2.178.911.600	2.245.800.000

IX. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc niên độ đến ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH BẮC TRUNG BỘ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Báo Cáo Tài Chính Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

X. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2011 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 07 năm 2011.

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 07 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐOÀN TRIỆU CHU LUÂN

VÕ THÀNH NHÂN